TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 18

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số thập phân gồm 91 đơn vị, 1 phần mười, 6 phần trăm và 3 phần nghìn viết là:

A. 91,1063 **B.** 910,163 **C.** 91,0163 **D.** 91,163

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 19,853 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 20 **B.** 19 **C.** 22 **D.** 19,9

Câu 3. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 35,29 …… 35,38

A. > **B.** < **C.** =

Câu 4. *(0,5 điểm)* 61,9 × 10 = ……

A. 619 **B.** 6,19 **C.** 6190 **D.** 0,619

Câu 5. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 3/4 − 2/3 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 1/7 **B.** 1/2 **C.** 1/6 **D.** 1/12

Câu 6. *(0,5 điểm)* 13 ha = …… m²

A. 1300 **B.** 1 300 000 **C.** 13 000 **D.** 130 000

Câu 7. *(0,5 điểm)* 1 m 42 cm = …… m

A. 5,2 **B.** 1,42 **C.** 10,42 **D.** 1,042

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có đáy lớn 17 cm, đáy bé 7 cm, chiều cao 12 cm. Diện tích hình thang là:

A. 36 cm² **B.** 714 cm² **C.** 288 cm² **D.** 144 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Làm tròn 19,43 đến số tự nhiên gần nhất được 20	
b) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	
c) 1 ha = 1 000 m²	
d) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 39,52; 39,14; 39,609; 39,052; 39,05.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tìm x:

a) $x + 22{,}95 = 25{,}75$; x = ……

b) $x \times 1{,}5 = 22{,}95$; x = ……

c) $82{,}2 - x = 68{,}67$; x = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 m 5 cm = …… m

b) 4 kg 42 g = …… kg

c) 4 ha = …… m^2

d) 6800 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 3 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 3 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 56 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 8 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,8 m vải. Giá mỗi mét vải là 120 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 18

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	B	A	D	D	B	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) S; b) S; c) S; d) Đ

Câu 10.

Xếp từ bé đến lớn: 39,05 < 39,052 < 39,14 < 39,52 < 39,609

a) 39,05

b) 39,609

c) 39,14

d) 39,609 + 39,05 = 78,659

Câu 11.

a) x = 25,75 − 22,95 = 2,8

b) x = 22,95 : 1,5 = 15,3

c) x = 82,2 − 68,67 = 13,53

Câu 12.

a) 7,05

b) 4,042

c) 40 000

d) 0,68

Câu 13.

a) 3 × 2 × 3,14 = 18,84

b) 3 × 3 × 3,14 = 28,26

c) 56 × 3,14 = 175,84

Câu 14.

Số vải: 4,8 × 8 = 38,4 (m)

Số tiền: 120 000 × 38,4 = 4 608 000 (đồng)